

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2023 của đơn vị Hội Chữ thập đỏ tỉnh Tây Ninh

CHỦ TỊCH HỘI CHỮ THẬP ĐỎ TÂY NINH

Căn cứ Quyết định số 195/QĐ-CT ngày 16/10/2000 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Hội Chữ thập đỏ tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Công văn số 3058/VP-KTTC ngày 29 tháng 5 năm 2019 của Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và UBND tỉnh về việc chấn chỉnh việc thực hiện công khai dự toán ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số: 2505/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 cho các đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp tỉnh;

Căn cứ Thông báo số: 05/TB-STC ngày 05/01/2023 của Sở Tài chính về kết quả thẩm tra phân bổ dự toán ngân sách năm 2023;

Căn cứ Thông báo số: 121/TB-STC ngày 31/5/2023 của Sở Tài chính về thông báo xét duyệt quyết toán năm 2023;

Xét đề nghị của Văn phòng Tỉnh Hội Tây Ninh.

QUYẾT ĐỊNH:

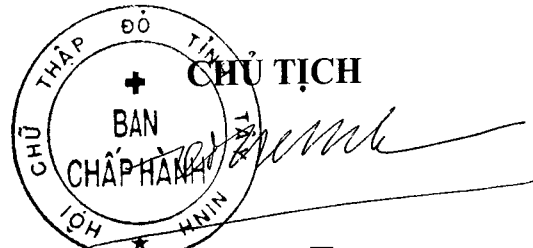
Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2023 của văn phòng Tỉnh Hội Tây Ninh. (theo Mẫu biểu số 05 đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng, kế toán Tỉnh Hội Tây Ninh chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

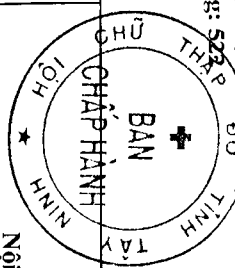
Nơi nhận:

- Sở Tài chính
- Như Điều 3.
- Lưu


CHỦ TỊCH
BAN
CHẤP HÀNH
Lê Quang Trung

Đơn vị: HỘI CHỮ THẬP ĐỎ TỈNH TÂY NINH

Chương: 52A



QUYẾT TOÀN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 5/QĐ-HCTĐTN ngày 05/6/2024 của Hội Chữ thập đỏ tỉnh Tây Ninh)

Biểu số 5 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị tính: đồng

Chi tiêu	Nội dung	Tổng số	LOẠI 070			LOẠI 340		LOẠI 390				
			Số liệu báo cáo quyết toán	TỔNG LOẠI	Số liệu báo cáo quyết toán	KHOẢN 085	Số liệu quyết toán được duyệt	TỔNG LOẠI	Số liệu báo cáo quyết toán	KHOẢN 362	Số liệu quyết toán được duyệt	TỔNG LOẠI
A	NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	1	2	3	6	7	8	9				
I	NGUỒN NGÂN SÁCH TRONG NƯỚC	-	-	-	-	-	-	-				
1	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang (01=02+05)	-	-	-	-	-	-	-				
1.1	Kinh phí thường xuyên/tư chi (02=03+04)	-	-	-	-	-	-	-				
1.2	Kinh phí không thường xuyên/ không tư chi (05=06+07)	-	-	-	-	-	-	-				
	- Kinh phí đã nhận	-	-	-	-	-	-	-				
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	-	-	-	-	-	-	-				
2	Dự toán được giao trong năm (08=09+10)	1.871.200.000	310.000.000	310.000.000	1.553.500.000	1.553.500.000	7.700.000	7.700.000				
	- Kinh phí thường xuyên/tư chi	1.871.200.000	310.000.000	310.000.000	1.553.500.000	1.553.500.000	7.700.000	7.700.000				
3	Tổng số được sử dụng trong năm (11=12+13)	1.871.200.000	310.000.000	310.000.000	1.553.500.000	1.553.500.000	7.700.000	7.700.000				
	- Kinh phí không thường xuyên/ không tư chi	1.871.200.000	310.000.000	310.000.000	1.553.500.000	1.553.500.000	7.700.000	7.700.000				
4	Kinh phí thực nhận trong năm(14=15+16)	1.807.802.000	310.000.000	310.000.000	1.490.102.000	1.490.102.000	7.700.000	7.700.000				
	- Kinh phí thường xuyên/tư chi	1.807.802.000	310.000.000	310.000.000	1.490.102.000	1.490.102.000	7.700.000	7.700.000				
	- Kinh phí không thường xuyên/ không tư chi	1.807.802.000	310.000.000	310.000.000	1.490.102.000	1.490.102.000	7.700.000	7.700.000				
5	Kinh phí để nghị quyết toán (17=18+19)	1.807.802.000	310.000.000	310.000.000	1.490.102.000	1.490.102.000	7.700.000	7.700.000				
	- Kinh phí không thường xuyên/ không tư chi	1.807.802.000	310.000.000	310.000.000	1.490.102.000	1.490.102.000	7.700.000	7.700.000				
6	Kinh phí giảm trong năm (20=22+23+24)	-	0	-	0	-	-	-				
	- Kinh phí không thường xuyên/tư chi	-	0	-	0	-	-	-				
	- Kinh phí không thường xuyên/ không tư chi	-	0	-	0	-	-	-				
	- Đa nộp NSNN	-	0	-	0	-	-	-				
	- Con phải nộp NSNN	-	0	-	0	-	-	-				
	- Dự toán bị hủy	-	-	-	-	-	0	0				
7	Số dư kinh phí được phép chuyển sang năm sau sử dụng quyết toán	63.398.000	-	-	63.398.000	63.398.000	-	-				
	- Kinh phí thường xuyên/tư chi	63.398.000	-	-	63.398.000	63.398.000	-	-				
	- Kinh phí không thường xuyên/ không tư chi	63.398.000	-	-	63.398.000	63.398.000	-	-				
	- Dự toán còn dư ở Kho bạc	63.398.000	-	-	63.398.000	63.398.000	-	-				

